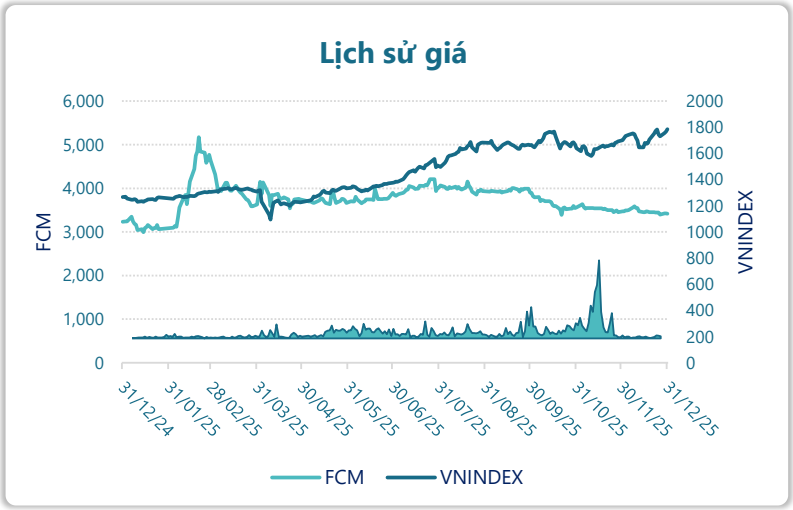
FireAnt

CTCP Bê tông Phan Vũ Hà Nam (HSX: FCM)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**3,560**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,171
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,993
SL cổ phiếu LH	46,226,626
KLGD BQ 20 phiên (CP)	40,165
% sở hữu nước ngoài	3.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	165
P/E	8.8
EPS	406

DT thuần

Q4/25

141

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 47.9| 51.0%

YoY: ▲ 20.0| 16.2%

LN sau thuế

Q4/25

6.41

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.81| 78.0%

YoY: ▼0.18| -2.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

5.1%

+/- YoY: ▲ 4.0%

DT thuần

2025

462

tỷ VNĐ

YoY: ▼7.00| -1.5%

LN sau thuế

2025

18.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 17.8| 1767%

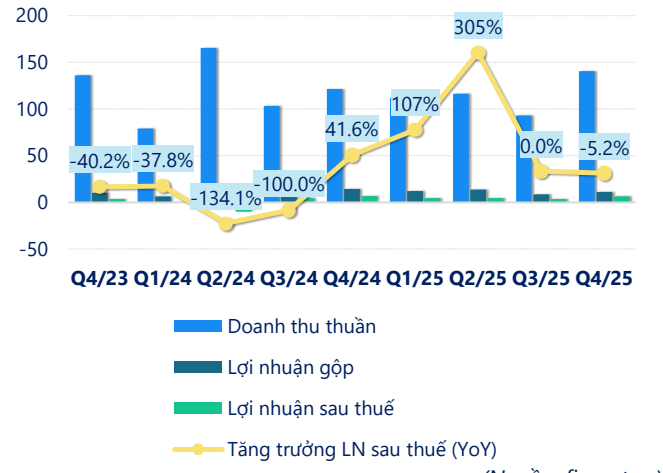
ROE

2025

3.4%

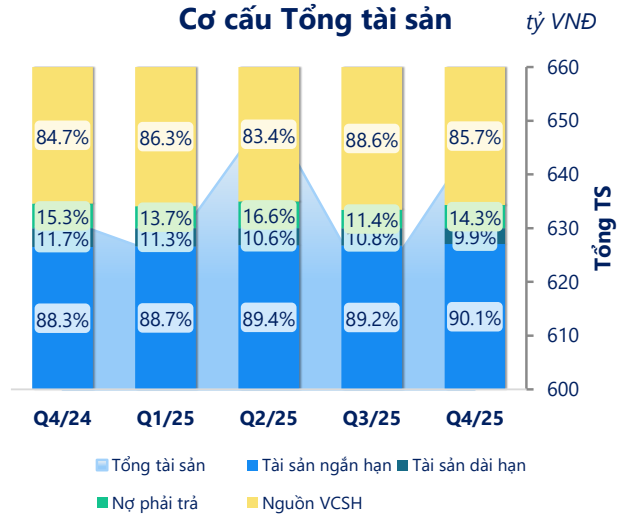
+/- YoY: ▲ 3.2%

Kết quả kinh doanh



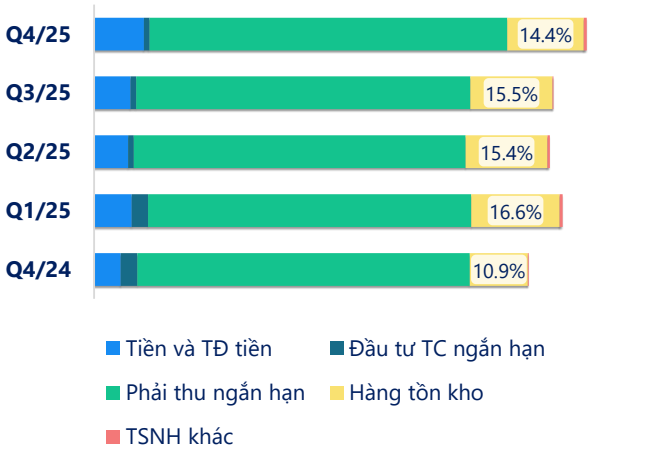
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



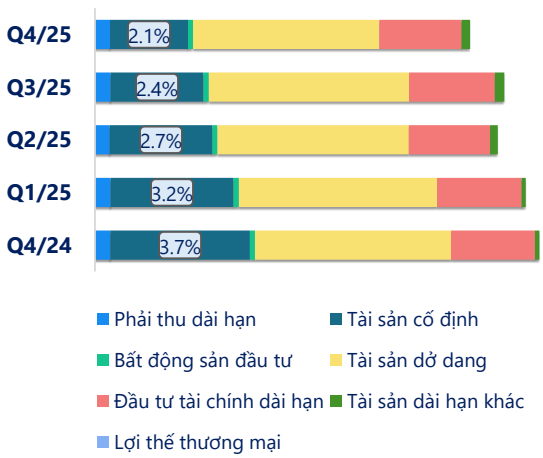
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



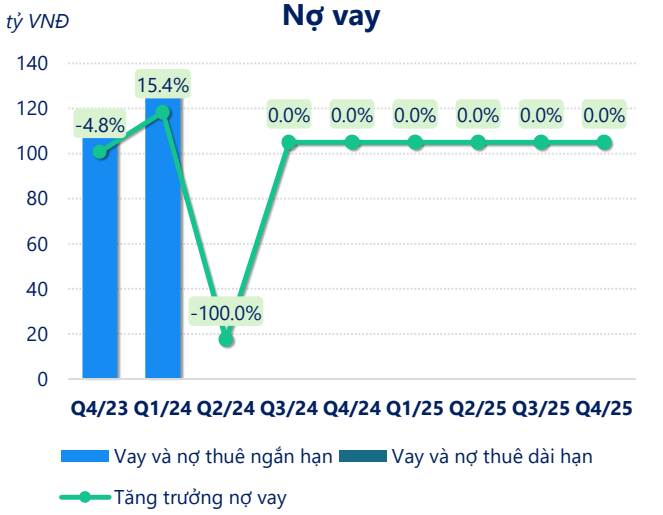
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



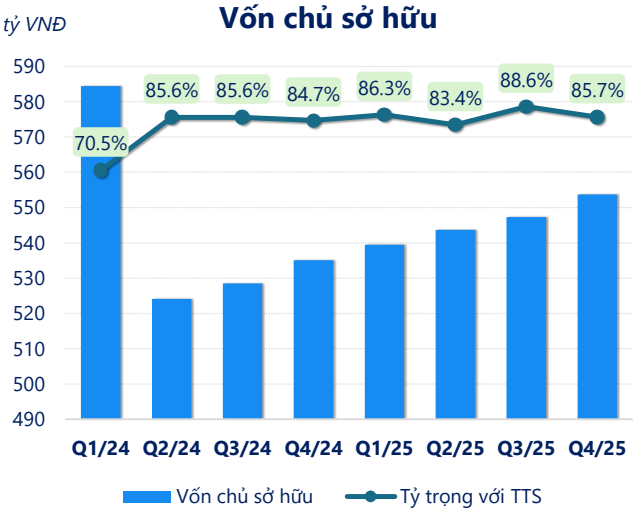
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



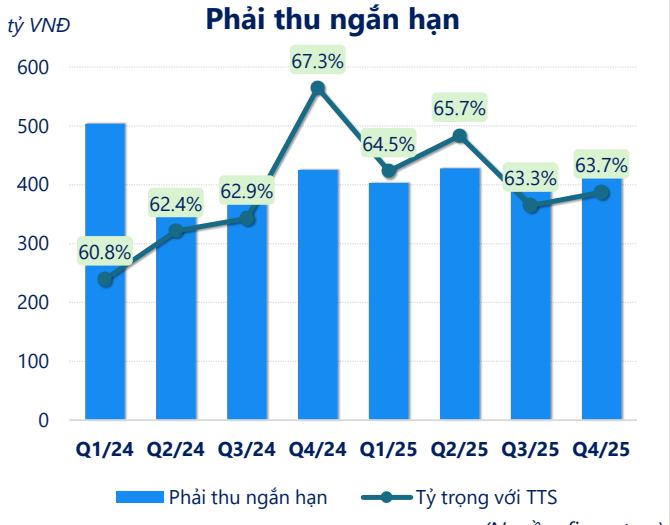
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



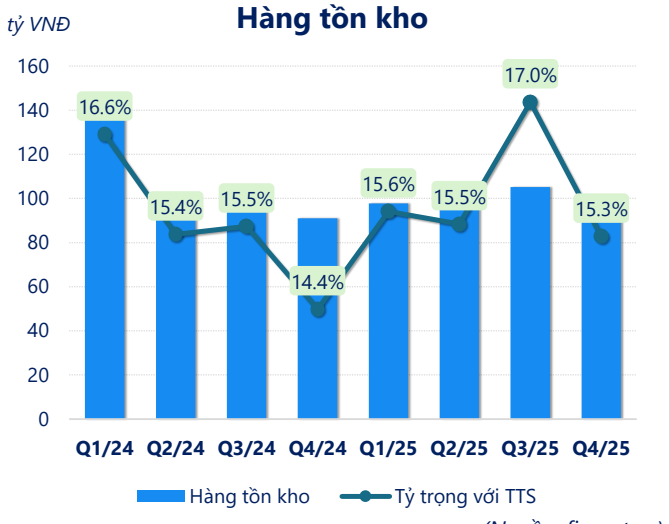
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



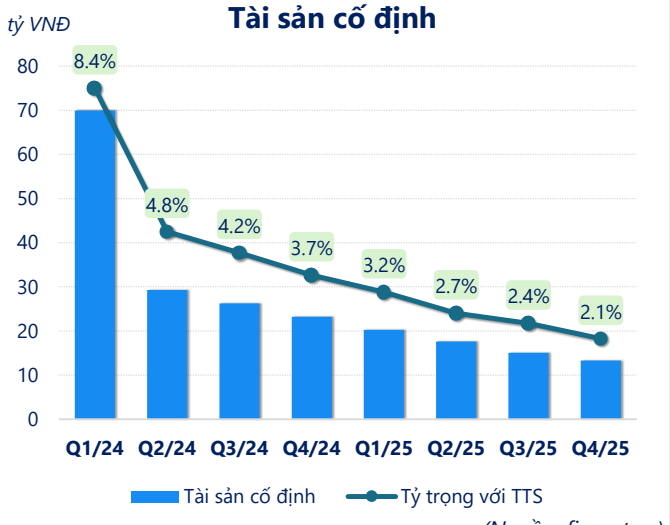
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



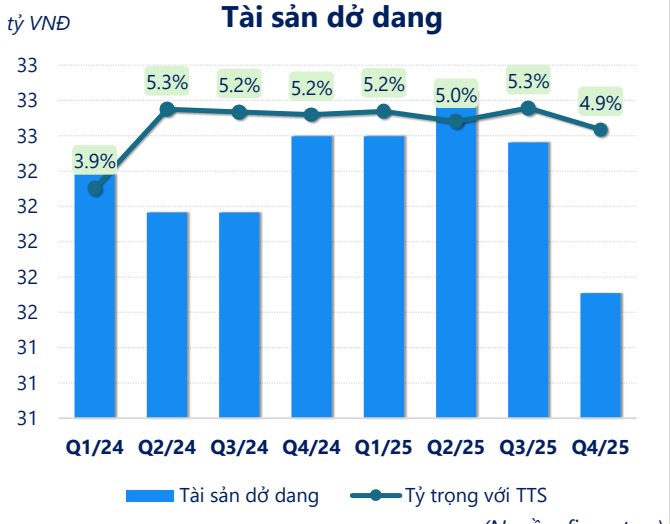
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



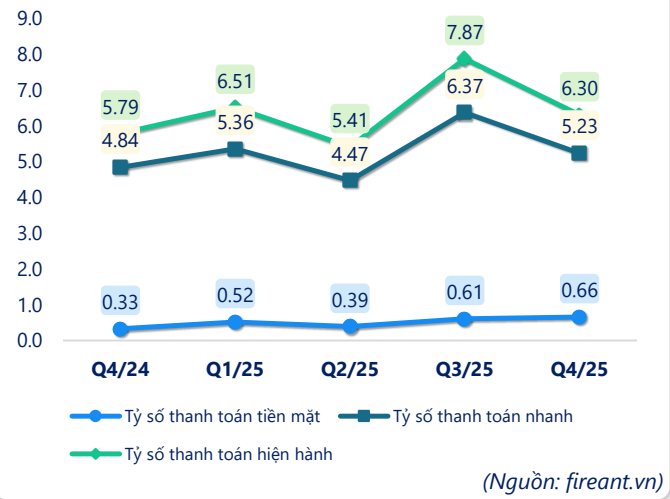
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



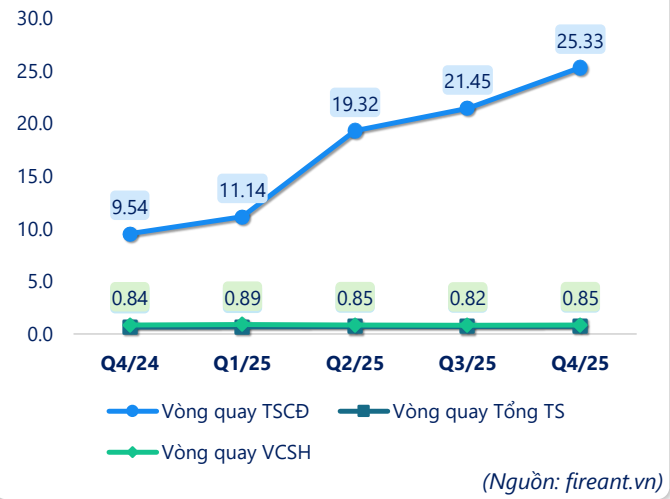
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**632**	**625**	**652**	**618**	**646**
Tài sản ngắn hạn	**558**	**554**	**583**	**551**	**583**
Tiền và tương đương tiền	31.6	44.2	41.7	42.4	60.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.60	6.60	6.60	6.60	7.22
Phải thu ngắn hạn	425	403	428	391	412
Hàng tồn kho	91.0	97.8	101	105	99.1
Tài sản ngắn hạn khác	3.45	2.58	5.37	5.88	3.55
Tài sản dài hạn	**73.9**	**70.9**	**69.1**	**66.6**	**63.9**
Phải thu dài hạn	2.56	2.56	2.52	2.56	2.56
Tài sản cố định	23.2	20.2	17.6	15.1	13.3
Bất động sản đầu tư	0.86	0.86	0.86	0.86	0.86
Tài sản dở dang	32.6	32.6	32.8	32.6	31.7
Đầu tư tài chính dài hạn	14.0	14.0	14.0	14.0	14.0
Tài sản dài hạn khác	0.77	0.64	1.32	1.54	1.51
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**96.7**	**85.4**	**108**	**70.2**	**92.7**
Nợ ngắn hạn	**96.4**	**85.1**	**108**	**70.0**	**92.4**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	77.4	70.8	88.8	51.8	70.1
Nợ dài hạn	0.29	0.29	0.27	0.24	0.22
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**535**	**539**	**544**	**547**	**554**
Vốn chủ sở hữu	**535**	**539**	**544**	**547**	**554**
Vốn điều lệ	462	462	462	462	462
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)